

Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ

Yên K, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 137/2023/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Anh Tô Minh Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tô Minh Đ và chị Nguyễn Thị Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Tô Đức P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2011 và cháu Tô Đức Ph, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Đ được tiếp tục

nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Tô Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu P và cháu Ph cho chị Nguyễn Thị Đ hàng tháng với mức mỗi cháu, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu P và cháu Ph trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Tô Minh Đ có quyền đi lại thăm non con chung. Về con riêng không có nên anh Đ và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền anh Tô Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản: Anh Tô Minh Đ và chị Nguyễn Thị Đ xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Tô Minh Đ nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền: BLTU/23 số 0001617 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THADS huyện Y.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung